

Bản án số: 458/2017/HSST
Ngày: 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái
2. Ông Lê Văn Ninh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:* Bà Thái Thị Hải Yến, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành
phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ
lý số 455/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nông Thị Hằng N, tên gọi khác: không; sinh ngày 06 tháng 11 năm
1991; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch:
Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp:
Tự do; Con ông: Nông Văn R, sinh năm 1969; Con bà: Trịnh Thị T, sinh năm
1969; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Có chồng là Nguyễn Anh T, sinh
năm 1986; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh ngày 31/10/2016.

Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 283/2016/HSST, ngày 26/9/2016 của
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt 09 tháng
tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện đang tại ngoại tại
địa phương. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

1. Chị Nông Thị O, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKHKT: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh C.

Chỗ ở: Xóm Đ, xã S, Thành phố T, tỉnh T.

2. Chị Lò Thị D, sinh năm: 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKHKT: Bản N2, xã H, huyện P, tỉnh S.

Chỗ ở: Xóm Đ, xã S, Thành phố T, tỉnh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1986(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ 18, phường T, thành phố T.

2. Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ 28, phường H, thành phố T.

Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1963. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã S huyện P (nay là xã S, thành phố T), tỉnh T.

2. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1960.

Trú tại: Xóm Đ, xã S huyện P (nay là xã S, thành phố T), tỉnh T. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Bà Nông Thị D.

Trú tại: Xóm Đ, xã S huyện P (nay là xã S, thành phố T), tỉnh T. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nông Thị Hằng N bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/3/2017, Nông Thị Hằng N một mình đi xe mô tô biển kiểm soát 29E1- 61914 đến khu vực nhà trọ của bà Nguyễn Thị Kim P (sinh năm 1973) ở xóm Đ, xã S, huyện P, tỉnh T (nay là xã S, thành phố T). N đi vào phòng trọ của chị Nông Thị O (sinh năm 1987, trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh C, chị O là công nhân Công ty Samsung, thuê phòng trọ của bà Phượng). Lúc này chị O đang ở phòng trọ, N ngồi lên giường, hỏi chuyện muốn thuê phòng và xin số điện thoại của chủ nhà. Chị O lấy chiếc điện thoại Samsung J7 của mình ra lấy số điện thoại của chủ nhà trọ cho N. Sau khi cho N số điện thoại, chị O để điện thoại xuống giường cách chỗ N ngồi khoảng 1m rồi đi gấp tranh thủ ở cạnh đó. Thấy chị O sơ hở, N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị O, N liền lén lút lấy chiếc điện thoại của chị O cho vào túi áo khoác đang mặc trên người. N nói chuyện với chị O vài câu rồi đi khỏi phòng trọ của chị O, đem chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại của anh Bùi Văn Thắng (sinh năm 1987) ở khu vực tổ 28, phường H, thành phố T bán lấy 2.500.000đ chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận số 22/KL-ĐG ngày 04/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 có giá trị: 3.745.000đ.

Tiếp đó khoảng 16 giờ ngày 07/3/2017, N một mình đi xe mô tô BKS 29E1 – 61914 đến khu vực nhà trọ của bà Phạm Thị Th (sinh năm 1963) ở xóm Đ, xã S, huyện P (nay là xã S, thành phố T) phát hiện phòng trọ của chị Lò Thị D (sinh năm 1984, ĐKKHTT: bản N, xã H, huyện P, tỉnh S, chị D là công nhân công ty Samsung đang thuê trọ tại nhà bà Thái) khóa ngoài không có người trông coi. N nảy sinh ý định vào phòng của chị D để trộm cắp tài sản. N liền lấy 01 chiếc cờ lê có sẵn trong cốp xe của mình ra, kê vào ổ khóa phòng chị D và giật mạnh làm ổ khóa bị vỡ hỏng. N nhấc ổ khóa ra, mở cửa đi vào phòng của

chị D lục soát lấy các tài sản gồm: 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu trắng có gắn các viên đá không màu, 01 đôi khuyên tai bằng bạc có gắn các viên đá không màu, 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Fashion Mobile đã cũ. Lấy được tài sản N nhanh chóng đi ra ngoài móc ổ khóa rồi bỏ đi. Bà T phát hiện N vừa phá cửa phòng trọ trộm cắp liền cùng chồng là ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1960 ở cùng địa chỉ) lấy xe mô tô truy đuổi bắt được N cùng các vật chứng nêu trên giao cho cơ quan chức năng giải quyết theo thẩm quyền.

Tại các bản kết luận giám định số 21/KL-ĐG ngày 03/4/2017, số 26/KL-GĐ ngày 03/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận tổng giá trị tài sản N trộm cắp của chị D là 536.000đ.

Tại cơ quan điều tra Nông Thị Hằng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu trắng có gắn các viên đá không màu, 01 đôi khuyên tai bằng bạc có gắn các viên đá không màu, 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Fashion Mobile đã cũ. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lò Thị D là người bị hại trong vụ án, chị D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung J7 của chị O sau khi mua từ bị cáo N, anh Th đã bán cho người không quen biết nên đến nay chưa thu hồi được, về trách nhiệm dân sự không có ý kiến gì.

Chị O yêu bị cáo N bồi thường theo quy định. Chiếc xe mô tô BKS 29E1 – 61914, kết quả điều tra xác định là của Nguyễn Anh T, sinh năm 1986, trú tại: Tổ 18, phường T, Thành phố T (là chồng của bị cáo N) cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tuấn quản lý sử dụng. Chiếc điện thoại nhãn hiệu honor cũ cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo N.

01 chiếc kim kim loại có tay cầm bọc nhựa màu đỏ đã qua sử dụng; 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kiểu 17 -14 và 10 – 8, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa Việt Tiệp màu đen, bị cong phần móc treo và vỡ một phần phía chốt móc khóa; 01 miếng kim loại màu đen kích thước 2x0,9cm, hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 467/KSĐT-KT, ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nông Thị Hằng N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Do không có công việc, không có thu nhập, không có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã đi đến khu vực phòng trọ cho các công nhân tại khu vực xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương (xã Sơn Cẩm , thành phố Thái Nguyên) với mục đích thấy tài sản để sơ hở, thì trộm cắp lấy tiền tiêu sài. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì và nhất trí với giá trị tài sản do cơ quan chuyên môn đã định giá.

Kết thúc phần xét hỏi, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng số 467/KSĐT-KT ngày 27/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 51; Khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nông Thị Hằng N từ 9 đến 12 tháng tù. Chuyển hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 283/2016/HSST, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thành 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án buộc bị cáo phải chấp hành mức án từ 18 đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Phần dân sự: Người bị hại Nông Thị O yêu cầu bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều: Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Nông Thị O số tiền 3.745.000đ.

Xử lý vật chứng:Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS:Tịch thu tiêu hủy các vật chứng: 01 chiếc kim kim loại có tay cầm bọc nhựa màu đỏ đã qua sử dụng; 02 chiếc cờ lê kim loại kiểu 17 -14 và 10 – 8, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa Việt Tiệp màu đen bị cong phần móc treo và vỡ một phần phía chốt móc khóa; 01 miếng kim loại màu đen kích thước 2 x 0,9cm.

Áp dụng điều 99 BLTTHS;Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nông Thị Hằng N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo đã thực hiện. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với Đơn trình báo, Kết luận định giá tài sản, lời khai của những người bị hại, người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: Hồi 16 giờ ngày 05/3/2017, tại phòng trọ của chị Nông Thị O ở xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương (nay là xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên) lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị O, N đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 trị giá 3.745.000đồng.

Hồi 16 giờ ngày 07/3/2017, tại khu nhà trọ của bà Phạm Thị Th ở xóm Đ, xã S, huyện P (nay là xã S, thành phố T) quan sát thấy phòng trọ của chị Lò Thị D có khóa cửa nhưng không có người trông coi nên N đã phá khóa cửa đột nhập vào phòng trộm cắp các tài sản gồm: 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng có gắn các viên đá không màu, 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu trắng có gắn các viên đá không màu, 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Fashion Mobile đã cũ. Tổng giá trị các tài sản N trộm cắp của chị Dung có giá trị 536.000đ.

Người bị hại chị Lò Thị D đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì, nên hội đồng xét xử không xem xét. Người bị hại chị Nông Thị O yêu cầu bị cáo bồi thường theo bản kết luận số 22/KL-ĐG ngày 04/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 có giá trị: 3.745.000đ, bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền trên.

Như vậy, hành vi nêu trên của Nông Thị Hằng N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nói chung và trong địa bàn thành phố Thái Nguyên nói riêng nên cần có hình phạt tương xứng với tội trạng của bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo N là đối tượng không có việc làm, đã bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác hiện đang trong thời gian thử thách, tuy nhiên bị cáo lười lao động, không tu dưỡng rèn luyện đạo đức mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ ý thức

chấp hành pháp luật kém nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo thành người lương thiện. Trước khi phạm tội bị cáo đã có một tiền án chưa được xóa án tích do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “ Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn theo các điểm p, g khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xét nhân thân và điều kiện kinh tế của bị cáo, HĐXX miễn không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 138 BLHS đối với bị cáo.

Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách án treo. Do đó cần áp dụng khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự chuyển hình phạt tù 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 283/2016/HSST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thành 09 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án.

Mức án đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nông Thị O yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường tài sản đã chiếm đoạt.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Nông Thị O số tiền là 3.745.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kiểu 17 -14 và 10 – 8, đã qua sử dụng; 01 chiếc kìm bằng kim loại có tay cầm bọc nhựa màu đỏ đã qua sử dụng là công cụ thực hiện tội phạm và các vật chứng là 01 ổ khóa cửa Việt Tiệp màu đen, bị cong phần móc treo và vỡ một phần phía chốt móc khóa; 01 miếng kim loại màu đen kích thước 2 x 0,9cm là các tài sản không có giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy theo Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị Hằng N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo: Nông Thị Hằng N 09 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 5 Điều 60; Điều 51 Bộ luật hình sự chuyển hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 283/2016/HSST ngày 26/9/2016 của

Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thành 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Nông Thị O giá trị chiếc điện thoại sam sung J7 số tiền là 3.745.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kim kim loại có tay cầm bọc nhựa màu đỏ đã qua sử dụng; 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kiểu 17 -14 và 10 – 8, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa Việt Tiệp màu đen bị cong phần móc treo và vỡ một phần phía chốt móc khóa; 01 miếng kim loại màu đen kích thước 2 x 0,9cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 49 ngày 17/11/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương với Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường T,
- TPTN, tỉnh Thái Nguyên.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hải

